TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 31 - 7 - 2018.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Bê.
2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 78/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: số 18/16, tổ 5, ấp A, xã B, L, Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1972.

Địa chỉ: số 18/16, tổ 5, ấp A, xã B, L, Đồng Nai.

(Chị L, anh S có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn, do không hiểu biết pháp luật. Anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, kể từ đó sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh chị đã tự hòa giải nhưng không thể đoàn tụ. Nay chị không còn tình cảm với anh S, không còn thương yêu nhau nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1994; Nguyễn Ngọc Â, sinh năm 1997. Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh S tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị L không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Ngọc S trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về vấn đề xác lập quan hệ hôn nhân giữa anh và chị L. Anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, kể từ đó hai người sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh chị đã tự đã hòa giải nhưng không thể đoàn tụ. Nay anh xác định tình không còn tình cảm với chị L, anh và chị L không còn thương yêu nhau nữa, nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L.

Ngoài ra, anh S không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, tư cách tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, việc ban hành văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh S là hôn nhân không hợp pháp. Trong qúa trình chung sống giữa chị L và anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh chị đã tự hòa giải đoàn tụ nhưng không không thành, anh chị đã ly thân từ 2015 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu được ly hôn, anh S đồng ý. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ- QH10 ngày 09/6/2000; các Điều 96, 97, 98 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 15, 16, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận chị L và anh S là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị L và anh S khai không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Ngọc S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, là đã vi phạm quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, chị L và anh S sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm

sống, không hợp nhau, anh chị đã tự hòa giải nhưng không thể đoàn tụ. Nay chị L và anh S đều xác định không còn thương yêu nhau nữa, không còn tình nghĩa với nhau, đã sống ly thân trong thời gian dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L yêu cầu được ly hôn với anh S, anh S cũng đồng ý, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị L và anh S là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị L và anh S có 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1994; Nguyễn Ngọc Â, sinh năm 1997. Do các con đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị L và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị L và anh S khai không có và theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong thời kỳ anh chị sống chung với nhau như vợ chồng, không có ai tranh chấp với anh chị về nghĩa vụ tài sản nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

[6] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 131, Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc "Tranh chấp ly hôn" đối với anh Nguyễn Ngọc S. Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Ngọc S là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1994; Nguyễn Ngọc Â, sinh năm 1997. Do các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị L và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị L và anh S khai không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên L số 005378 ngày 05/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị L đã nộp xong án phí.

Chị L, anh S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. L;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Thanh Hoa